

Bản án số: 143/2023/HS-ST

Ngày: 21/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2/ Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh K, sinh năm 1996 tại Bạc Liêu; thường trú: Ấp T3, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lâm Thị H; có vợ tên Nguyễn Thị Bé Th; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 48/2016/HSPT ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2019, chấp hành xong án phí ngày 18/7/2016.

Các ngày 17/5/2022, 24/5/2022 và 04/6/2022 cùng đồng phạm “Trộm cắp tài sản”, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã (nay là thành phố) T từ ngày 10/6/2022 cho đến nay; có mặt.

2. Trần Nguyễn Bá L, sinh ngày 27/01/1990 tại An Giang; thường trú: Khóm V, thị trấn V1, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mẫn T4 và bà Nguyễn Thị L; có vợ tên Triệu Thị H1 (chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: Không;

Các ngày 17/5/2022, 24/5/2022 và 04/6/2022 cùng đồng phạm “Trộm cắp tài sản”, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã (nay là thành phố) T từ ngày 10/6/2022 cho đến nay; có mặt.

3. Huỳnh Văn L1, sinh năm 1971 tại Tiền Giang; thường trú: Số 449 ấp M, xã M1, thành phố M2, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T2 và bà Trương Thị B; tiền án, tiền sự: Không;

Các ngày 17/5/2022, 24/5/2022 và 04/6/2022 cùng đồng phạm “Trộm cắp tài sản”, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã (nay là thành phố) T từ ngày 10/6/2022 cho đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Công ty TNHH Sản xuất TM DV D; địa chỉ: Lô H3, H4, H13, H14, đường N3 và N4, Khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện hợp pháp:* Bà Tăng Cẩm C1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 4, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972; thường trú: Ấp T3, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Khu phố B, phường Kh, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

2. Bà Triệu Thị H1, sinh năm 1991; thường trú: Thôn Tr, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Lý A H4; có đơn xin vắng mặt;
2. Ông Phạm Văn H5; có đơn xin vắng mặt;
3. Ông Tống Hạ L3; có đơn xin vắng mặt;
4. Ông Hoàng Anh V; có đơn xin vắng mặt;
5. Bà Lưu Thị Ngọc D1; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh K làm công nhân điều khiển xe nâng tại Công ty TNHH Sản xuất TM DV D (sau đây viết tắt là Công ty D) có địa chỉ tại Lô H3, H4, H13, H14, đường N3 và N4, Khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian làm việc, K quen biết với Trần Nguyễn Bá L trước đây có thời gian làm bộ phận kỹ thuật sơn và Huỳnh Văn L1 là bảo vệ trực công của Công ty D.

Quá trình làm việc tại Công ty D, K quan sát thấy một số mặt hàng thành phẩm là các bộ bàn ghế dùng trong nhà bếp đã được đóng gói thành từng bộ để

trong kho và khu vực kho này quản lý không chặt chẽ, thường không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt mang ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, K thỏa thuận với L tìm nơi mua, sau khi bán được hàng sẽ lấy tiền chia nhau tiêu xài, L đồng ý. Khoảng tháng 5/2022, qua tìm kiếm trên mạng xã hội Facebook, L biết ông Hoàng Anh V sử dụng tên Facebook là “U” có nhu cầu tìm mua các sản phẩm gỗ nội thất tồn kho nên đã liên hệ thỏa thuận việc mua bán. Sau đó, L nói lại cho K biết, lúc này K thỏa thuận với L1 là K sẽ lấy trộm tài sản của Công ty D mang ra ngoài bán, K sẽ thuê xe tải ở bên ngoài vào trong Công ty D để chở hàng, L1 có nhiệm vụ mở cổng cho xe tải ra vào công ty. Sau khi chiếm đoạt được tài sản của Công ty D, K sẽ chia cho L1 số tiền 3.000.000 đồng/lần, L1 đồng ý. Sau khi thỏa thuận và thống nhất, K, L và L1 đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty D, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 17/5/2022, K gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn S là cha của K nhờ ông S liên hệ xe tải chở hàng thanh lý cho Công ty D và đi theo xe, ông S đồng ý và gọi cho ông Lý A H4 là chủ Công ty TNHH TMDV G tại khu phố B, phường Kh, thành phố T thuê xe tải chở hàng. Sau đó, ông H4 điều động ông Phạm Văn H5 là tài xế lái xe ô tô tải biển số 61H-012.01 đến Công ty D liên hệ với K nhận chở hàng thuê cho K. Khi xe đến nơi, K gọi điện thoại cho L1 để mở cổng Công ty D cho xe vào như đã thỏa thuận trước đó. Khi xe ô tô tải biển số 61H-012.01 vào được bên trong, K hướng dẫn xe đi đến kho thành phẩm của Công ty D, quan sát xung quanh không có người, K điều khiển xe nâng vận chuyển 28 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D397-425 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36”Wx59.88”Dx30”H và 06 ghế 17.75”Wx21.38”Dx38.63”H có bọc đệm) đã được đóng gói là hàng chưa qua sử dụng lên xe ô tô tải biển số 61H-012.01. Trên cơ sở vị trí mà ông Văn gửi qua điện thoại cho L, K cung cấp cho ông H5 yêu cầu chở hàng đến một kho hàng thuộc huyện Nh, Thành phố Hồ Chí Minh gặp bà Lưu Thị Ngọc D1 là nhân viên của ông V để kiểm tra và nhận hàng. Sau đó, ông Văn thanh toán số tiền mua hàng là 55.500.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 65010002885797 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) do vợ của L là bà Triệu Thị H1 đứng tên. Sau khi nhận tiền, L đưa lại cho K và được K chia cho 10.800.000 đồng, K chia cho L1 3.000.000 đồng và trả tiền thuê xe là 3.500.000 đồng, số tiền còn lại K giữ.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 24/5/2022, K tiếp tục gọi điện thoại nhờ ông S liên hệ xe tải chở hàng thanh lý cho Công ty D và đi theo xe, ông S đồng ý và gọi cho ông Lý A H4 thuê xe tải chở hàng. Ông H4 điều động ông H5 là tài xế lái xe ô tô tải biển số 61H-012.01 đến Công ty D liên hệ với K để nhận chở hàng thuê. Khi xe đến nơi, K gọi điện thoại cho L1 để mở cổng Công ty D cho xe vào như đã thỏa thuận trước đó. Khi xe ô tô tải biển số 61H-012.01 vào được bên trong, K hướng dẫn xe đi đến kho thành phẩm của Công ty D và điều khiển

xe nâng vận chuyển 28 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D384-325 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36"Wx60"Dx30.13"H và 04 ghế 17.75"Wx21.75"Dx38.13"H có bọc đệm, 01 ghế dài 38.25"Wx15.25"DX19"H) đã được đóng gói là hàng chưa qua sử dụng lên xe ô tô tải biển số 61H-012.01. K kêu ông H5 chở hàng đến địa chỉ như ngày 17/5/2022 gặp bà D1 kiểm tra và nhận hàng. Sau đó, ông V thanh toán số tiền mua hàng là 56.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản 65010003135501 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) do K đứng tên. Sau khi nhận tiền, K chia cho L 10.800.000 đồng, chia cho L1 3.000.000 đồng và trả tiền thuê xe 3.500.000 đồng, số tiền còn lại K giữ.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 04/6/2022, K tiếp tục gọi điện thoại nhờ ông S liên hệ xe tải chở hàng thanh lý cho Công ty D và đi theo xe, ông S tiếp tục gọi cho ông Lý A H4 thuê xe tải chở hàng. Ông H4 điều động ông H5 là tài xế lái xe ô tô tải biển số 61H-012.01 và ông Tống Hạ L3 là tài xế lái xe ô tô tải biển số 61C-358.93 đến Công ty D liên hệ K để nhận chở hàng thuê. Khi xe đến nơi, K gọi điện thoại cho L1 để mở cổng Công ty D cho xe vào. Khi hai xe ô tô tải nêu trên vào được bên trong, K hướng dẫn xe đi đến kho thành phẩm của Công ty D và điều khiển xe nâng vận chuyển 29 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D384-325 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36"Wx60"Dx30.13"H và 04 ghế 17.75"Wx21.75"Dx38.13"H có bọc đệm, 01 ghế dài 38.25"Wx15.25"DX19"H) đã được đóng gói là hàng chưa qua sử dụng và 28 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D397-425 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36"Wx59.88"Dx30"H và 06 ghế 17.75"Wx21.38"Dx38.63"H có bọc đệm) đã được đóng gói là hàng chưa qua sử dụng lên hai xe ô tô tải rồi yêu cầu chở hàng đến địa chỉ như hai lần trước đó gặp bà D1 kiểm tra và nhận hàng. Ông V thanh toán số tiền mua hàng là 60.000.000 đồng, còn lại 52.000.000 đồng chưa thanh toán do K còn nợ chưa cung cấp hóa đơn xuất kho hàng cho ông V của các lần bán hàng từ trước đến nay. Sau đó, K chia cho L1 5.000.000 đồng, số tiền còn lại K giữ.

Đến ngày 09/6/2022, bà Nguyễn Thu H5 là nhân viên bộ phận quản lý kho thành phẩm của Công ty D thực hiện kiểm đếm số hàng trong kho phát hiện mã hàng D397-425 và D384-325 bị thiếu, không đủ số lượng nên trích xuất dữ liệu camera an ninh, phát hiện K lấy trộm hàng trong kho nên đã trình báo Đoàn Công an Khu công nghiệp thị xã (nay là thành phố) T.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Đoàn Công an Khu công nghiệp thị xã (nay là thành phố) T tiến hành xác minh vụ việc, mời Nguyễn Minh K, Trần Nguyễn Bá L và Huỳnh Văn L1 về trụ sở làm việc. Tại đây, K, L và L1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty D. Đoàn Công an Khu công nghiệp thị

xã (nay là thành phố) T lập hồ sơ vụ việc ban đầu và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T thụ lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ tài liệu, đồ vật liên quan gồm:

- 56 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D384-325 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36’’Wx60’’Dx30.13’’H và 04 ghế 17.75’’Wx21.75’’Dx38.13’’H có bọc đệm, 01 ghế dài 38.25’’Wx15.25’’Dx19’’H), hàng chưa qua sử dụng;

- 54 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D397-425 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36’’Wx59.88’’Dx30’’H và 06 ghế 17.75’’Wx21.38’’Dx38.63’’H có bọc đệm), hàng chưa qua sử dụng;

- Số tiền 197.000.000 đồng do Nguyễn Minh K và Trần Nguyễn Bá L giao nộp;

- Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn L1, Trần Nguyễn Bá L;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu nâu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 54/KLTS-TTHS ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản thị xã (nay là thành phố) T, kết luận: 57 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D384-325 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36’’Wx60’’Dx30.13’’H và 04 ghế 17.75’’Wx21.75’’Dx38.13’’H có bọc đệm, 01 ghế dài 38.25’’Wx15.25’’Dx19’’H), hàng chưa qua sử dụng và 56 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D397-425 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36’’Wx59.88’’Dx30’’H và 06 ghế 17.75’’Wx21.38’’Dx38.63’’H có bọc đệm), hàng chưa qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 393.268.260 đồng.

110 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF và 06 ghế nêu trên là tài sản hợp pháp của Công ty D nên ngày 19/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 357 trả lại cho Công ty D.

Về phần trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tài sản bị chiếm đoạt do còn thiếu 01 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D384-325 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36’’Wx60’’Dx30.13’’H và 04 ghế 17.75’’Wx21.75’’Dx38.13’’H có bọc đệm, 01 ghế dài 38.25’’Wx15.25’’Dx19’’H), hàng chưa qua sử dụng và 02 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su + MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D397-425 sử dụng trong nhà bếp (một bộ gồm: 01 bàn 36’’Wx59.88’’Dx30’’H và 06 ghế 17.75’’Wx21.38’’Dx38.63’’H có

bọc đệm), hàng chưa qua sử dụng nên Công ty D yêu cầu bồi thường số tiền là 9.893.220 đồng, hiện tại các bị cáo chưa bồi thường.

Số tiền Nguyễn Minh K và Trần Nguyễn Bá L có được từ việc bán tài sản chiếm đoạt của Công ty D là 197.000.000 đồng. K và L đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Ông Nguyễn Văn S đã sử dụng tiền của mình để thu hồi tài sản bị chiếm đoạt và giao nộp lại cho cơ quan điều tra, ông S yêu cầu L trả lại cho ông 50.000.000 đồng, yêu cầu L1 trả lại cho ông 20.000.000 đồng, không yêu cầu gì đối với K.

Bản Cáo trạng số 114/CT-VKSTU ngày 09/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Minh K, Trần Nguyễn Bá L và Huỳnh Văn L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- *Về hình phạt:*

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K từ 09 năm đến 10 năm tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Bá L từ 08 năm đến 09 năm tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L1 từ 07 năm đến 08 năm tù.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

- *Về phần dân sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo L trả lại cho ông 50.000.000 đồng và bị cáo L1 trả lại cho ông 20.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 197.000.000 đồng; điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu nâu, điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen và điện thoại di động hiệu Iphone X; trả lại cho 03 bị cáo giấy chứng minh nhân dân mang tên các bị cáo. Buộc bị cáo Huỳnh Văn L1 nộp lại số tiền 11.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 20/6/2023, đại diện bị hại là bà Tăng Cẩm C1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định không yêu cầu các bị cáo bồi thường; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Đại diện bị hại Công ty TNHH Sản xuất TM DV D là bà Tăng Cẩm C1 và những người làm chứng đều có đơn xin vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt đại diện bị hại và những người làm chứng. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đại diện bị hại và những người làm chứng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang, vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Các ngày 17/5/2022, 24/5/2022 và 04/6/2022 tại Công ty TNHH Sản xuất TM DV D (sau đây viết tắt là Công ty D) có địa chỉ tại Lô H3, H4, H13, H14, đường N3 và N4, Khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Minh K, Trần Nguyễn Bá L và Huỳnh Văn L1 có hành vi lén lút chiếm đoạt 57 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D384-325 và 56 bộ bàn ăn bằng gỗ cao su MDF, nhãn hiệu ASHLEY, mã hàng D397-425, chưa qua sử dụng của Công ty D với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 393.268.260 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”

quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo K có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội Cướp tài sản. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Minh K, Trần Nguyễn Bá L và Huỳnh Văn L1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo K và L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi thường hoặc khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo K có ông bà nội là Nguyễn Văn O, Tăng Thị D3 và bà ngoại là Ngô Thị T6 là người có công với cách mạng nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo K là người rủ rê, chỉ đạo cho bị cáo L và L1 thực hiện tội phạm, cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản, L và L1 là đồng phạm thực hành tích cực nhằm che giấu tội phạm các bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về phần dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo L trả lại 50.000.000 đồng và bị cáo L1 trả lại 20.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu nâu, OPPO màu xanh đen và Iphone X là phương tiện các bị cáo sử dụng, liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Số tiền 197.000.000 đồng là tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn L1, Trần Nguyễn Bá L không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo;

- Số tiền 11.000.000 đồng bị cáo Huỳnh Văn L1 thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh K, Trần Nguyễn Bá L và Huỳnh Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh K** 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2022.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Nguyễn Bá L** 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2022.

1.3 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn L1** 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2022.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Nguyễn Bá L trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 50.000.000 đồng và bị cáo Huỳnh Văn L1 trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. *Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 197.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, số IMEI: 356942/06/445284/4, số IMEI: 355371/06/729943/4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X;

- Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Minh K, Huỳnh Văn L1, Trần Nguyễn Bá L giấy chứng minh nhân dân mang tên các bị cáo;

- Buộc bị cáo Huỳnh Văn L1 nộp lại số tiền 11.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố T).

4. *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Minh K, Trần Nguyễn Bá L và Huỳnh Văn L1 chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm